

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Danh.
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 553/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1973.

Hộ khẩu thường trú: Số 54, tổ 1, ấp LP, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Vĩnh L, sinh năm: 1969.

Hộ khẩu thường trú: Số 54, tổ 1, ấp LP, xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(chị T có mặt, anh L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Phương T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Vĩnh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã PT, huyện Long Thành ngày 12/7/1993. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc bình thường được 10 năm, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân là do anh L hay uống rượu say xỉn và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, gia đình hai bên có khuyên anh L nhưng không được, anh L ngày càng nhậu nhẹt nhiều hơn. Đến tháng 7/2017 anh L đi nhậu về và cầm dao đe dọa chém chết chị, và 02 giờ sáng hôm sau lúc chị và con đang ngủ thì anh L đi nhậu về đã dùng gậy sắt và dây điện cột cửa nhốt hai mẹ con chị trong phòng cả đêm, đến sáng hôm sau chị nhờ chị hai của anh L đến mở cửa, nhiều ngày tiếp theo anh L luôn đe dọa chém giết chị nên chị đã dọn ra ngoài sống từ ngày 09/7/2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Có 02 con chung là:

1. Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994.
2. Trần Thị Phương N, sinh ngày 19/01/2004.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cùng ngày 01/9/2017, bị đơn anh Trần Vĩnh L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Phương T xây dựng gia đình với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã PT vào ngày 12/7/1993. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, cũng có phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do anh làm thợ hồ, bạn bè hay rủ nhau uống rượu vào những lúc trời mưa hoặc buổi chiều sau khi làm việc xong, nhưng chị Thúy không đồng ý. Khoảng 02 giờ sáng ngày 08/7/2017 anh có đi uống rượu về nhà trể gọi cửa nhưng chị T không mở cửa, do trong người có rượu nên anh bực tức, anh có dùng dây điện và gậy sắt để khóa cửa nhốt chị T và con gái trong phòng, đến sáng ngày hôm sau chị T có gọi điện cho chị gái của anh đến mở cửa cho hai mẹ con. Sau đó chị T đã dọn đồ về nhà mẹ ruột ở tổ 10, ấp LP, xã PT ở đến nay. Trước đây chị T cũng nhiều lần khuyên anh bỏ rượu, anh cũng bỏ rượu

được vài ngày thì lại có bạn bè tiếp tục rủ uống rượu, do chỗ bạn bè thân thiết, làm chung lâu năm nên anh không thể từ chối được. Việc chị T nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng, anh chị chỉ là hàng xóm, làm hồ chung, có rủ nhau về nhà anh làm mỗi nhậu và hát karaoke, sau đó chị T về nhà mở camera nhìn thấy thì không đồng ý nên vợ chồng cũng có cãi vã nhau, nhưng anh xác định là anh không có tình cảm với người phụ nữ khác. Anh vẫn còn thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn. Từ khi chị T dọn về nhà mẹ ruột sống thì anh đã nhiều lần khuyên chị T quay về đoàn tụ nhưng chị T kêu anh bỏ rượu mới chịu về, trước đây anh cũng đã nhiều lần bỏ rượu nhưng không được, nhưng thời gian gần đây anh đã hạn chế uống rượu, khi nào có bạn bè rủ anh mới uống chứ anh không có uống rượu một mình. Nếu chị T đồng ý quay về đoàn tụ thì anh cam kết không uống rượu nữa. Anh biết cho dù anh không đồng ý ly hôn thì chị T cũng kiên quyết ly hôn và cũng không đồng ý dọn về sống chung nhà với anh. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 con chung là:

1/ Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994.

2/ Trần Thị Phương N, sinh ngày 19/01/2004.

Hiện cháu L1 đã trưởng thành, còn cháu N thì ban ngày đi học về nhà ăn cơm với anh, buổi tối về nhà ngoại ngủ với chị T. Nếu cháu N có nguyện vọng sống cùng chị T thì anh đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Do anh L bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án tiến hành các buổi làm việc, xét xử vắng mặt anh.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản tự khai của chị T; Biên bản lấy lời khai của anh L; Lời khai con chung; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Biên bản xác minh tại Công an và UBND xã PT.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Chị T xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994 và Trần Thị Phương N, sinh ngày 19/01/2004. Chị T – anh L thỏa thuận chị T sẽ nuôi dưỡng cháu N, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994 và cháu Trần Thị Phương N, sinh ngày 19/01/2004, cháu L đã trưởng thành, hiện cháu N đang sống cùng chị T, anh L đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng nên đề nghị giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh Luân không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Vĩnh L, anh L có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 57 ngày 12 tháng 7 năm 1993) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thể hiện: Anh L là người nghiện rượu, thường hay nhậu nhẹt say xỉn, có những lời lẽ hăm dọa, gây hoang mang tâm lý cho chị T. Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2017 thể hiện anh L có uống rượu say nằm ngoài đường, hàng xóm phải chở về nhà. Gia đình có khuyên anh L bỏ rượu nhưng anh không bỏ được, chị T và anh L đã sống ly thân từ ngày 09/7/2017 đến nay, gia đình hai bên có hòa giải đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý, anh L cũng thừa nhận chị T đã cho anh nhiều cơ hội nhưng đến nay anh vẫn không thay đổi, không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ, tại Tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh L.

[3].Về con chung: Có hai con tên Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994 và Trần Thị Phương N sinh ngày 19/01/2004. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu N là bé gái cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hiện tại chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, cháu N có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng chị T. Đồng thời, anh L cũng có ý kiến đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T, giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Phương T, xử cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn anh Trần Vĩnh L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Vĩnh L1, sinh ngày 11/4/1994 và Trần Thị Phương N sinh ngày 19/01/2004. Giao cháu N cho chị Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Trần Vĩnh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Vĩnh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Phương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 006708 ngày 04/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Chị Lê Thị Phương T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Vĩnh L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành(1);
 - VKSND H. Long Thành(1);
 - Tòa án ND tỉnh Đồng Nai(1);
 - UBND xã Phước Thái(1)
- Giấy CNKH số 01 ngày 12/7/1993;
- Các đương sự(2);
 - Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Danh Lý Thị Bạch Tuyết La Thị Hồng Gấm

